ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo : **Kinh tế học Khóa 15 CNTN (K15401T)**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Chuyên ngành đào tạo : **Kinh tế học**

Hình thức đào tạo : **Chính quy**

Ghi chú:

Môn tô đỏ là môn Tài năng được tổ chức học riêng lớp K15401T;

Môn còn lại là môn đại trà học chung K14504.

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT		HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC		KHOA/ BỘ MÔN	GHI CHÚ
					TH				
Học kỳ 1									
Các học phần bắt buộc: TC)									
1	GT01	Giáo dục thể chất 1	3	45				14	
2	KT48	Kinh tế học vi mô (3TC)	3	45				01	
3	LL02	Lý luận nhà nước và pháp luật (3TC)	3	45				07	
4	NL03	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	75				01	
5	TO08	Toán cao cấp (5TC)	5	75				11	
		Cộng học phần bắt buộc:	**19**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 2.00 TC)									
6	GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp (2TC)	2	30				14	
7	TL05	Tâm lý học đại cương (2TC)	2	30				14	
		Cộng học phần tự chọn:	**4**						
Học kỳ 2									
Các học phần bắt buộc: TC)									
8	GDQP	Học phần GDQP	5	75				14	
9	GT11	Giáo dục thể chất 2 (3TC)	3	45				14	
10	KK01	Nguyên lý kế toán (Kế toán đại cương)	3	45				04	
11	KT49	Kinh tế vĩ mô (3TC)	3	45				01	
12	LU10	Luật doanh nghiệp	3	45				08	
13	QT01	Quản trị học căn bản	3	45				06	
14	TO07	Lý thuyết xác suất (2tc)	2	30				11	
		Cộng học phần bắt buộc:	**22**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 2.00 TC)									
15	DL04	Địa chính trị thế giới (2TC)	2	30				14	
16	QH04	Quan hệ quốc tế (2TC)	2	30				14	
17	VH04	Văn hóa học	2	30				06	
18	XH50	Xã hội học (2)	2	30				14	
		Cộng học phần tự chọn:	**8**						
Học kỳ 3									
Các học phần bắt buộc: TC)									
19	DL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN(LS Đảng)	3	45				14	
20	LS02	Lịch sử KTQD (Lịch sử KTVN và các nước)	3	45				01	
21	MA01	Marketing căn bản	3	45				06	
22	TC10	Lý thuyết tài chính - tiền tệ (Ng/lý thị trường	3	45		Môn tài năng	KT48, KT49	03	x
23	TK04	Thống kê ứng dụng	3	45			TO07, TO08	11	
		Cộng học phần bắt buộc:	**15**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 2.00 TC)									
24	KN03	Kỹ năng làm việc theo nhóm (2TC)	2	30				06	
25	LG01	Logic học	3	45				14	
26	PP02	Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)	2	30				14	
27	TH06	Tin học ứng dụng	3	30	15			05	

		Cộng học phần tự chọn:	**10**						
Học kỳ 4									
Các học phần bắt buộc: TC)									
28	IS92	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	15	15			05	
29	KD15	Kinh tế học quốc tế (2TC)	2	30				02	
30	KT02	Kinh tế lượng	3	45		Môn tài năng		11	x
31	LS01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	45		Môn tài năng		01	
32	PP04	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh	3	30	15	Môn tài năng	Chuyển về HK5	01	
33	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				14	
		Cộng học phần bắt buộc:	**15**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 3.00 TC)									
34	NH16	Tín dụng ngân hàng	3	30	15			03	
35	TC16	Tài chính công (3TC)	3	45				03	x
		Cộng học phần tự chọn:	**6**						
Học kỳ 5									
Các học phần bắt buộc: TC)									
36	KT07	Kinh tế vi mô 2	4	45	15	Môn tài năng		01	
37	KT22	Kinh tế đối ngoại (3TC)	3	45				02	
38	KT24	Kế hoạch hóa và Chính sách Phát triển KT-XH	3	45				01	
39	KT25	Dự báo kinh tế	3	45		Môn tài năng		11	x
40	KT26	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	45		Môn tài năng	Chuyển lên HK4	01	
		Cộng học phần bắt buộc:	**16**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 3.00 TC)									
41	MA06	Quan hệ công chúng	3	45				06	
42	PT01	Phân tích lợi ích chi phí	3	45				01	
		Cộng học phần tự chọn:	**6**						
Học kỳ 6									
Các học phần bắt buộc: TC)									
43	KT09	Kinh tế vĩ mô 2	4	60		Môn tài năng		01	
44	KT12	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	45				01	
45	KT18	Kinh tế lao động	3	45		Môn tài năng		01	
46	QL08	Kinh tế Công (4TC)	4	60		Môn tài năng		01	
		Cộng học phần bắt buộc:	**14**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 3.00 TC)									
47	CL03	Chiến lược kinh doanh (3TC)	3	45				01	
48	KD01	Kinh doanh quốc tế (3TC)	3	45				02	
		Cộng học phần tự chọn:	**6**						
Học kỳ 7									
Các học phần bắt buộc: TC)									
49	KT10	Kinh tế phát triển	4	60		Môn tài năng		01	
50	TC14	Lập và thẩm định dự án đầu tư (3TC)	3	45		Môn tài năng		01	x
		Cộng học phần bắt buộc:	**7**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 3.00 TC)									
51	QL09	Kinh tế học các vấn đề xã hội	3	45				01	
52	TC18	Tài chính doanh nghiệp (Quản trị tài chính)	3	45				03	
		Cộng học phần tự chọn:	**6**						
Học kỳ 8									
Các học phần bắt buộc: TC)									
53	BC01	Báo cáo chuyên đề thực tập	4	60				14	
		Cộng học phần bắt buộc:	**4**						
Các học phần tự chọn(Tích lũy 6.00 TC)									
54	KL01	Khóa luận tốt nghiệp	6	90		Môn tài năng		14	
		Cộng học phần tự chọn:	**6**						

Tổng số HP : 54

Tổng số TC : 164

HP bắt buộc : 35 Môn học 112TC

HP tự chọn : 19 Môn học 52TC

TP.HCM, ngày 19 tháng 12 năm 2016

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT